

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 출입국관리법 시행규칙 [별지 제139호의3서식] <신설 2023. 6. 14.>

■ Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý xuất nhập cảnh [Mẫu đính kèm số 139-3] <Mẫu mới 2023. 6. 14.>

외국인체류확인서 열람 또는 교부 신청서

ĐƠN XIN XEM HOẶC CẤP GIẤY XÁC NHẬN LƯU TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

※ 뒤쪽의 유의사항을 읽고 작성하시기 바라며, 색상이 어두운 란은 신청인이 작성하지 않습니다. (앞쪽)

※ Vui lòng đọc các nội dung cần chú ý ở mặt sau trước khi điền, người đăng ký không điền vào các ô màu tối. (Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일자 Ngày tiếp nhận	처리기간 즉시 Thời gian xử lý Ngay lập tức
----------------------	------------------------	---

신청 내용 Nội dung đăng ký	체류확인서 열람 Xem Giấy xác nhận lưu trú []	체류확인서 교부 Cấp Giấy xác nhận nơi lưu trú []
------------------------------	--	--

개인 신청인 Người đăng ký cá nhân	성명 Họ tên (서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)	주민등록(외국인등록국내거소신고)번호 Số chứng minh thư Hàn (Đăng ký người nước ngoài/ đăng ký cư trú tại Hàn Quốc)
	주소 Địa chỉ	연락처 Số điện thoại

법인·단체 신청인 Người đăng ký pháp nhân, tổ chức	명칭 Tên gọi	사업자등록번호 Số đăng ký kinh doanh
	대표자 Người đại diện (서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)	연락처 Số điện thoại
	소재지 Địa chỉ	
	방문자 성명 Họ tên người thăm thân	주민등록(외국인등록국내거소신고)번호 Số chứng minh thư Hàn (Đăng ký người nước ngoài/ đăng ký cư trú tại Hàn Quốc)
		연락처 Số điện thoại

열람 또는 교부 대상 건물 또는 시설의 소재지

Địa chỉ tòa nhà hoặc cơ sở đăng ký xem hoặc cấp

용도 및 목적

Mục đích và nơi sử dụng

「출입국관리법」 제88조의3제1항 및 같은 법 시행규칙 제75조의2제1항에 따라 외국인체류확인서 열람 또는 교부를 신청합니다.

Tôi xin đăng ký xem hoặc cấp Giấy xác nhận lưu trú của người nước ngoài theo khoản 1 Điều 88-3 “Luật Quản lý xuất nhập cảnh” và khoản 1 Điều 75-2 Thông tư hướng dẫn luật này.

년 월 일

Năm tháng ngày

○○ 출입국·외국인청(사무소·출장소)장 / ○○ 읍·면·동의 장 또는 출장소장 귀하
Kính gửi **Trưởng phòng Phòng quản lý xuất nhập cảnh, người nước ngoài (văn phòng chính/văn phòng chi nhánh) ○○/ Chủ tịch thị trấn (eup), Chủ tịch xã (myeon), Chủ tịch phường (dong) hoặc trưởng chi nhánh ○○**

제출 서류 Hồ sơ cần nộp	신청인의 신분증명서 Giấy tờ tùy thân của người đăng ký ※ 법인·단체의 경우에는 대표자의 신분증명서, 법인인감증명서 또는 사용인감계를 제출합니다. ※ Trường hợp là pháp nhân, tổ chức, cần phải nộp giấy tờ tùy thân của người đại diện, giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu pháp nhân hoặc giấy đăng ký con dấu sử dụng.	수수료 - 열람: 1건 1회 300원 - 교부: 1통 400원 Lệ phí - Xem: 300 won 1 lần 1 đơn - Cấp phát: 400 won 1 bản ※ 「출입국관리법」
담당 공무원 확인 서류 Cán bộ phụ trách hồ sơ xác nhận	신청인이 외국인체류확인서의 열람 또는 교부 신청을 할 수 있는 자임을 입증하는 「출입국관리법 시행규칙」 별표 5의3에 따른 입증서류 Các hồ sơ theo Bảng đính kèm 5-3 của Thông tư hướng dẫn “Luật Quản lý xuất nhập cảnh” chứng minh rằng người đăng ký là người có thể nộp đơn xin xem hoặc cấp Giấy xác nhận lưu trú của người nước ngoài	제88조의3제2항제3호에 해당하는 경우에는 500원 ※ Lệ phí với trường hợp thuộc điểm 3 khoản 2 Điều 88-3 “Luật Quản lý xuất nhập cảnh” là 500won”

행정정보 공동이용 동의서
Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건 업무 처리를 위해 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용 (「주택임대차보호법」 제3조의6제2항 후단에 따른 전산처리정보조직의 이용을 포함합니다) 을 통해 위의 담당 공무원 확인 서류를 확인하는 것에 동의합니다.

Để xử lý các công việc liên quan đến đơn này, tôi đồng ý việc cán bộ phụ trách kiểm tra các hồ sơ xác nhận dành cho cán bộ phụ trách kiểm tra bên trên thông qua sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử” (bao gồm việc sử dụng của cơ quan xử lý thông tin trên hệ thống điện tử theo phần sau của khoản 2 Điều 3-6 “Luật Bảo vệ cho thuê nhà ở”).

※ 신청인(위임한 경우 위임한 자)이 행정정보의 공동이용에 동의하지 않거나 기관 상황에 따라 행정정보의 공동이용을 통해 확인할 수 있는 서류가 아닌 경우에는 신청인이 직접 해당 서류를 제출해야 합니다.

※ Trong trường hợp người đăng ký (hoặc người ủy quyền trong trường hợp ủy quyền) không đồng ý với việc sử dụng chung thông tin hành chính hoặc trường hợp hồ sơ không phải là hồ sơ có thể được xác minh thông qua việc sử dụng chung thông tin hành chính tùy thuộc vào tình hình của cơ quan, người đăng ký phải nộp trực tiếp các giấy tờ liên quan.

신청인 (서명 또는 인)
Người đăng ký (Kí tên hoặc đóng dấu)

210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

※ 위임장은 위임하여 신청하는 경우에만 작성합니다.

(뒤쪽)

※ Chỉ viết giấy ủy quyền trong trường hợp ủy quyền để nộp đơn.

(Mặt sau)

위임장

Giấy ủy quyền

「출입국관리법」 제88조의3제2항제2호에 따라 위 신청인에게 외국인 체류확인서 열람 또는 교부 신청을 위임합니다.

Tôi uỷ quyền đăng ký xem hoặc cấp Giấy xác nhận lưu trú của người nước ngoài cho người đăng ký bên trên theo điểm 2 khoản 2 Điều 88-3 “Luật Quản lý xuất nhập cảnh”.

년
Năm

월
tháng

일
ngày

위임한 자 (개인) Người ủy quyền (Cá nhân)	성명 Họ tên	(서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)	주민등록(외국인등록국내거소신고)번호 Số chứng minh thư Hàn (Đăng ký người nước ngoài/ đăng ký cư trú tại Hàn Quốc)
	주소 Địa chỉ		연락처 Số điện thoại
위임한 자 (법인·단체) Người ủy quyền (Pháp nhân, tổ chức)	명칭 Tên gọi		사업자등록번호 Số đăng ký kinh doanh
	대표자 Người đại diện	(서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)	연락처 Số điện thoại
	소재지 Địa chỉ		

유 의 사 항
Nội dung lưu ý

1. '서명 또는 인'란에는 서명을 하거나 도장을 찍어야 하며 지문은 사용할 수 없습니다. 이 경우 서명을 할 때에는 자필로 신분증명서 상에 표기된 성명을 써야 합니다. 다만, 구술 민원으로 신청하는 경우에는 손도장을 찍을 수 있습니다.
1. Phải kí tên hoặc đóng dấu vào ô “Kí tên hoặc đóng dấu”, không được sử dụng dấu vân tay. Trong trường hợp này, khi kí, người kí phải ghi rõ họ tên được thể hiện trên giấy tờ tùy thân của mình. Tuy nhiên, có thể đóng dấu vân tay trong trường hợp nộp đơn thông qua yêu cầu bằng miệng.
2. 법인·단체 신청인의 경우에는 '대표자란에 대표자가 서명하거나 법인 인감(사용 인감을 포함합니다)을 찍습니다.
2. Trường hợp người đăng ký là pháp nhân, tổ chức thì người đại diện phải ký tên hoặc đóng dấu của pháp nhân (bao gồm con dấu sử dụng được đăng ký) vào cột “Người đại diện”.
3. 동일 신청자가 동일 입증서류에 따라 동일 목적으로 여러 건물 또는 시설의 소재지에 대해 외국인 체류확인서의 열람 또는 교부를 신청하는 경우에는 「출입국관리법 시행규칙」 별지 제139호의3 서식 및 별지 제139호의4서식에 따라 일괄 신청할 수 있습니다. 이 경우 해당 별지 제139호의3서식과 별지 제139호의4서식 사이에는 신청인의 확인(간인)이 있어야 합니다.
3. Trường hợp nếu một người đăng ký xin xem hoặc cấp Giấy xác nhận lưu trú của người nước ngoài cho nhiều địa chỉ tòa nhà hoặc cơ sở với cùng một mục đích, người đăng ký có thể đăng ký gộp theo Mẫu 139-3 và mẫu 139-4 đính kèm Thông tư hướng dẫn “Luật Quản lý xuất nhập cảnh”. Trong trường hợp này phải có xác nhận (giáp lai) của người đăng ký vào giữa Mẫu 139-3 và Mẫu 139-4 đính kèm đó.
4. 외국인 체류확인서의 열람 또는 교부 신청의 위임은 해당 건물 또는 시설의 소유자, 임차인, 임대차 계약자 또는 매매계약자 본인만이 할 수 있습니다. 이 경우 위임받아 신청하는 자는 위임장과 위임한 자 및 위임을 받은 자의 신분증명서[법인·단체의 경우에는 대표자의 신분증명서(사본을 제출하는 경우에는 법인인감 또는 사용인감 날인이 필요합니다), 법인인감증명서 또는 사용인감계를 말하며, 대표자의 신분증명서를 사본으로 제출하는 경우에는 법인인감 또는 사용인감을 날인해 제출해야 합니다]를 함께 제출해야 합니다.
4. Chỉ chủ sở hữu, người thuê, người cho thuê trong hợp đồng cho thuê hoặc hợp đồng mua bán tòa nhà hoặc cơ sở mới có thể ủy quyền yêu cầu xem hoặc cấp Giấy xác nhận cư trú của người nước ngoài. Trong trường hợp này, người được ủy quyền đăng ký phải nộp giấy ủy quyền và giấy tờ tùy thân của người ủy quyền và người được ủy quyền [Đối với pháp nhân, tổ chức cần nộp giấy tờ tùy thân của người đại diện (nếu là bản sao cần phải đóng dấu con dấu pháp nhân hoặc con dấu sử dụng), giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu pháp nhân hoặc giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu sử dụng. Nếu nộp bản sao giấy tờ tùy thân của người đại diện thì phải đóng dấu bằng con dấu pháp nhân hoặc con dấu sử dụng].